TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2024
V/v không công nhận giữa anh Đậm và chị N là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Hùng Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc: Không công nhận giữa anh Đ và chị N là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 499/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lưu Minh Đ, sinh năm 1982; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Bị đơn: Chị Nguyễn Xuân N, sinh năm 1986; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Lưu Minh Đ trình bày: Vào khoảng năm 2008, do quen biết, tìm hiểu, anh và chị Nguyễn Xuân N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến nhiều lần cãi nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được

nên anh Đ yêu cầu khởi kiện đối với chị N về việc yêu cầu không công nhận anh Đ và chị N là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Lưu Khả A, sinh năm 18/5/2010 và cháu Lưu Ngọc Q, sinh ngày 29/6/2014. Anh Đ yêu cầu được giành quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Xuân N trình bày:

Chị N thống nhất lời trình bày của anh Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N cũng yêu cầu không công nhận giữa anh Đ và chị N là vợ chồng.

Về con chung: Chị N đồng ý giao 02 (hai) cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định quan hệ pháp luật là không công nhận giữa anh Đ và chị N là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Xuân N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của anh Đ và chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng quá trình chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh Đ và chị N là không hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến nhiều lần cãi nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Thời gian sống ly thân, vợ chồng xác định không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị N thừa nhận hai người chung sống với nhau như vợ chồng nhưng

không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc nguyên đơn anh Đ yêu cầu tuyên bố không công nhận anh Đ và chị N là vợ chồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung: Cháu Lưu Khả A, sinh năm 18/5/2010 và cháu Lưu Ngọc Q, sinh ngày 29/6/2014. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị N thống nhất thoả thuận, chị N đồng ý giao 02 (hai) cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh Đ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự thoả thuận của các đương sự không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh Đ và chị N xác định không có.

[2.4] *Về nghĩa vụ chung*: Anh Đ và chị N xác định không có.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lưu Minh Đ và chị Nguyễn Xuân N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Khả A, sinh năm 18/5/2010 và cháu Lưu Ngọc Q, sinh ngày 29/6/2014 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

3. Chia tài sản chung: Anh Đ và chị N xác định không có.

4. Về nghĩa vụ chung: Anh Đ và chị N xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lưu Minh Đâm phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008350 ngày 07 tháng 11 năm 2024 thành tiền án phí. Công nhận anh Đ đã nộp xong.

6. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng